TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ R** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30/12/2022
Về việc "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R, TỈNH KHÁNH HÒA

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Công

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Lý Xuyên

Bà Phạm Thị Thúy

- *Thư ký phiên toà:* Bà Mai Nữ Thanh Hường - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố R.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R tham gia phiên tòa:* Ông Bùi Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 165/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 147/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm: 1993; Nơi cư trú: Thôn HM, xã CĐ, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. (Ông H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Như D, sinh năm: 1994; Nơi cư trú: Thôn HM, xã CĐ, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. (Bà D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 19/9/2022 và bản tự khai ngày 24/10/2022, nguyên đơn ông Nguyễn Xuân H trình bày:* Ông và bà Nguyễn Thị Như D tự nguyện tìm hiểu, kết hôn, chung sống và được Ủy ban nhân dân xã CĐ, thành phố R cấp giấy chứng nhận kết hôn số 11, quyển số 04 ngày 11/8/2012. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến tháng 5 năm 2022 xảy ra nhiều mâu thuẫn. Do ông bị tai nạn sức khỏe giảm sút, bà D bực mình, khó chịu rồi bỏ nhà đi, một thời gian ông đón về nhà, sống được thời gian ngắn bà D tiếp tục bỏ đi để lại 02 con cho ông nuôi từ tháng 7 năm 2022 đến nay. Ông đã nhiều lần khuyên bảo để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà D.

- Về con chung: Ông và bà D có 02 con chung Nguyễn Thị Xoan A, sinh ngày 20/9/2012 và Nguyễn Hoài Diễm T, sinh ngày 24/10/2016. Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông và bà D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Như D không có mặt tại địa phương, bà D bỏ đi từ tháng 7 năm 2022, bà thỉnh thoảng có ghé về thăm con xong lại đi; bà D đã được Tòa án tiến hành đầy đủ các thủ tục theo pháp luật tố tụng dân sự nhưng bà D cố tình vắng mặt, không đến Tòa để cung cấp lời khai cũng như tham gia vào các phiên hòa giải, xét xử.

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố R:*

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng: Thẩm phán và Thư ký chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về "Ly hôn" mà bị đơn có nơi cư trú tại thành phố R theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố R.

[1.2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Ngày 28/11/2022, nguyên đơn ông Nguyễn Xuân H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu của ông H là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt Ông H.

Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn bà D nhưng bà D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà D.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà D tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và được Ủy ban nhân dân phường xã CĐ, thành phố R cấp giấy chứng nhận kết hôn số 11, quyển số 04 ngày 11/8/2012 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Ông H trình bày quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do từ ngày ông bị tai nạn giảm sút sức khỏe bà D có thái độ khó chịu, bỏ nhà đi. Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bà D đến Tòa để trình bày ý kiến, tham gia hòa giải, xét xử nhưng bà D

không chấp hành, thể hiện thái độ thờ ơ, bỏ mặc cuộc sống hôn nhân của ông bà. Xét thấy: Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, sống chung với nhau nhưng bà D, ông H đã không còn tình cảm vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, ông H yêu cầu được ly hôn với bà D là có cơ sở, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Tòa án chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của ông H.

[2.2] Về con chung: Ông và bà D có 02 con chung Nguyễn Thị Xoan A, sinh ngày 20/9/2012 và Nguyễn Hoài Diễm T, sinh ngày 24/10/2016. Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung và không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

Xét: Việc giao con cho ai nuôi dưỡng, giáo dục sau khi bố mẹ ly hôn là nhằm phát triển tốt cho con cả về mặt thể chất lẫn tinh thần. Cháu A có nguyện vọng được sống cùng với bố, đồng thời qua xác minh tại địa phương bà D bỏ nhà ra đi từ tháng 7 năm 2022, ông H là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung nên xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung chưa thành niên, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình, cần giao 02 con chung cho ông H nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông H không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3] Về tài sản chung: Ông H không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Ông H phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về "Ly hôn".

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

<u>Tuyên xử:</u> Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Xuân H được ly hôn bà Nguyễn Thị Như D.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Xuân H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung Nguyễn Thị Xoan A, sinh ngày 20/9/2012 và Nguyễn Hoài Diễm T, sinh ngày 24/10/2016.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Xuân H không yêu cầu bà Nguyễn Thị Như D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp chăm sóc nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Xuân H không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Xuân H phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về "Ly hôn" nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0007341 ngày 05/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố R. Vậy, ông Nguyễn Xuân H đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Ông Nguyễn Xuân H, bà Nguyễn Thị Như D có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tống đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND t.p R;
- CCTHADS t.p R;
- UBND xã CĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hồng Công